

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: 1242/QĐ-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 19 tháng 6 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
**Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT16) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025**

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 1/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 1204/QĐ-CTCP397 ngày 13/06/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT16) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 do phòng Cơ điện vận tải lập ngày 16/06/2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 17/06/2025 của Phòng CĐVT về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT16) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 18/06/2025 của Tổ thẩm định dự toán về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT16) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025.

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT16) thuộc kế hoạch mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

### 1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: (có phụ lục chi tiết kèm theo)
- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.
- Giá trị dự toán: 9.575.558.854 đồng  
(*Bằng chữ: Chín tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm năm bốn đồng*) (Đã bao gồm thuế VAT).
- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện vận tải
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.
- Các nội dung khác: Không có.

### 2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX thiết bị Caterpillar (CAT) phục vụ sản xuất 6 tháng cuối năm 2025 (GT16).
- Giá trị gói thầu: 9.575.558.854 đồng  
(*Bằng chữ: Chín tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, tám trăm năm bốn đồng*) (Đã bao gồm thuế VAT).
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 25 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 6 năm 2025
- Loại hợp đồng: Theo Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 166 ngày (không quá 31/12/2025).
- Tùy chọn mua thêm: Không
- Giám sát đấu thầu: Không

**Điều 2.** Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch HĐQT (b/c);
- PGĐ Huyện (c/đ);
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, CĐVT. K04.

**GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sinh**

Phụ lục

**BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT**

(Kèm theo quyết định phê duyệt số 1242/QĐ-CTCP397 ngày 19/6/2025  
của Công ty cổ phần 397)

STT	Nội dung hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Thành Tiền	Thuế xuất	Tiền thuế	Năm SX
1	Ca ngoài vòng bi bị động 030-0060	Cái	2	1.640.000	3.280.000	8	262.400	2023-2025
2	Gioăng 030-4605	Cái	5	52.000	260.000	8	20.800	2023-2025
3	Gioăng tròn 030-4606	Cái	5	130.000	650.000	8	52.000	2023-2025
4	Gioăng 214-7566 033-5853	Cái	5	163.000	815.000	8	65.200	2023-2025
5	Gioăng phần mặt máy 152-2939 238-5081 033-6027	Cái	5	240.000	1.200.000	8	96.000	2023-2025
6	Gioăng đầu ống nhiên liệu 033-6033	Cái	20	168.000	3.360.000	8	268.800	2023-2025
7	Gioăng giắc điện kim phun 330-8197 033-6034	Cái	20	279.000	5.580.000	8	446.400	2023-2025
8	Gioăng 228-7089 033-6039	Cái	10	179.000	1.790.000	8	143.200	2023-2025
9	Gioăng ống lót vòi phun 346-4897 061-8561	Cái	24	487.000	11.688.000	8	935.040	2023-2025
10	Gioăng 373-9231 103-8236	Cái	10	272.000	2.720.000	8	217.600	2023-2025
11	Phốt quả rửa 105-1331	Cái	5	6.702.000	33.510.000	8	2.680.800	2023-2025
12	Vòng bi 106-7799	Vòng	2	2.996.000	5.992.000	8	479.360	2023-2025
13	Phin lọc gió trong ca bin 107-0266	Cái	10	672.000	6.720.000	8	537.600	2023-2025
14	Gioăng ống lót vòi phun 107-9570	Cái	24	155.000	3.720.000	8	297.600	2023-2025
15	Gioăng phần mặt máy 238-5079 108-5803	Cái	20	153.000	3.060.000	8	244.800	2023-2025
16	Gioăng phần mặt máy 238-5086 108-5806	Cái	20	452.000	9.040.000	8	723.200	2023-2025
17	Gioăng 109-0072	Cái	10	303.000	3.030.000	8	242.400	2023-2025
18	Gioăng 109-0073	Cái	10	324.000	3.240.000	8	259.200	2023-2025
19	Gioăng 109-0074	Cái	10	485.000	4.850.000	8	388.000	2023-2025
20	Gioăng 109-0075	Cái	10	441.000	4.410.000	8	352.800	2023-2025
21	Gioăng 109-0076	Cái	10	363.000	3.630.000	8	290.400	2023-2025
22	Gioăng tròn 109-0077	Cái	10	502.000	5.020.000	8	401.600	2023-2025
23	Gioăng 109-0078	Cái	10	272.000	2.720.000	8	217.600	2023-2025
24	Gioăng 214-7567 109-3206	Cái	10	170.000	1.700.000	8	136.000	2023-2025
25	Gioăng 238-5078 109-9685	Cái	10	147.000	1.470.000	8	117.600	2023-2025

26	Xéc măng máy nén khí 110-1337	Bộ	1	3.435.000	3.435.000	8	274.800	2023-2025
27	Gioăng xi lanh 110-2220	Cái	12	526.000	6.312.000	8	504.960	2023-2025
28	Bánh răng bơm số 111-0329	Cái	1	32.531.000	32.531.000	10	3.253.100	2023-2025
29	Gioăng 112-1574	Cái	10	322.000	3.220.000	8	257.600	2023-2025
30	Gioăng tròn 112-1579 467-2620 112-1579	Cái	10	708.000	7.080.000	8	566.400	2023-2025
31	Gioăng tròn 112-1580	Cái	10	501.000	5.010.000	8	400.800	2023-2025
32	Gioăng 112-5282	Cái	10	96.000	960.000	8	76.800	2023-2025
33	Gioăng 114-2687	Cái	10	199.000	1.990.000	8	159.200	2023-2025
34	Gioăng đường khí 114-4427	Cái	10	104.000	1.040.000	8	83.200	2023-2025
35	Gioăng cầu dầu mặt máy 116-7220	Cái	20	368.000	7.360.000	8	588.800	2023-2025
36	Gioăng cầu dầu đầu vòi phun 116-7221	Cái	20	268.000	5.360.000	8	428.800	2023-2025
37	Gioăng cầu dầu mặt máy 116-7222	Cái	20	194.000	3.880.000	8	310.400	2023-2025
38	Trục Bánh răng trung gian buồng trước 117-9712	Cái	1	18.577.000	18.577.000	8	1.486.160	2023-2025
39	Gioăng 118-5068	Cái	10	101.000	1.010.000	8	80.800	2023-2025
40	Gioăng 118-7214	Cái	10	200.000	2.000.000	8	160.000	2023-2025
41	Dây điện vào van điện từ bơm ép 121-0596	Cái	6	1.417.000	8.502.000	10	850.200	2023-2025
42	Xu páp xả 122-0321	Cái	120	2.331.000	279.720.000	8	22.377.600	2023-2025
43	Xu páp hút 122-0322	Cái	120	2.450.000	294.000.000	8	23.520.000	2023-2025
44	Gioăng phanh 123-7268	Cái	10	800.000	8.000.000	8	640.000	2023-2025
45	Gioăng phanh 123-7271	Cái	10	930.000	9.300.000	8	744.000	2023-2025
46	Gioăng bầu phanh 123-7272	Cái	10	950.000	9.500.000	8	760.000	2023-2025
47	Gioăng phanh 124-3520	Cái	10	745.000	7.450.000	8	596.000	2023-2025
48	Lò xo căng puly cánh quạt 125-5071	Cái	3	6.267.000	18.801.000	10	1.880.100	2023-2025
49	Gioăng băng trước 259-4598 125-9794	Cái	10	1.013.000	10.130.000	8	810.400	2023-2025
50	Phin lọc dầu lái 126-1813	Cái	15	1.100.000	16.500.000	8	1.320.000	2023-2025
51	Gioăng 126-2702	Cái	10	431.000	4.310.000	8	344.800	2023-2025
52	Gioăng máy nén khí 129-3948	Cái	5	707.000	3.535.000	8	282.800	2023-2025
53	Vòng bi hộp số 616-8181 129-8391	Bộ	3	59.713.000	179.139.000	8	14.331.120	2023-2025
54	Gioăng cổ xả 129-9452	Cái	10	229.000	2.290.000	8	183.200	2023-2025
55	Phin lọc dầu phanh 130-3212	Cái	20	1.370.000	27.400.000	8	2.192.000	2023-2025
56	Bạc bánh răng trước 131-7123	Cái	5	1.647.000	8.235.000	10	823.500	2023-2025

57	Gioăng 133-1705	Cái	5	532.000	2.660.000	8	212.800	2023-2025
58	Phin lọc tách nước nhiên liệu 513-4490 133-5673	Cái	15	982.000	14.730.000	8	1.178.400	2023-2025
59	Bộ gioăng phốt bơm ép 138-6256	Bộ	1	6.269.000	6.269.000	8	501.520	2023-2025
60	Bộ gioăng van rơ le phanh 142-3439	Cái	5	3.916.000	19.580.000	8	1.566.400	2023-2025
61	Phốt đầu trục cơ 142-5867	Cái	1	4.256.000	4.256.000	8	340.480	2023-2025
62	Phốt sau trục cơ 142-5868	Cái	1	4.256.000	4.256.000	8	340.480	2023-2025
63	Gioăng xi lanh 142-7072	Cái	12	295.000	3.540.000	8	283.200	2023-2025
64	Phin lọc dầu lái 144-0832	Cái	10	1.069.000	10.690.000	8	855.200	2023-2025
65	Mô tơ gạt mưa 147-7975	Cái	2	9.914.000	19.828.000	8	1.586.240	2023-2025
66	Gioăng tròn 152-2938 228-7091 152-2938	Cái	10	209.000	2.090.000	8	167.200	2023-2025
67	Bánh răng lai bơm ép 155-6637	Cái	2	8.195.000	16.390.000	10	1.639.000	2023-2025
68	Van chia hơi phanh 159-5149	Cái	2	7.390.000	14.780.000	8	1.182.400	2023-2025
69	Tay biên 160-8178	Cái	1	21.721.000	21.721.000	8	1.737.680	2023-2025
70	Đệm bằng sau 161-7293	Cái	2	5.047.000	10.094.000	8	807.520	2023-2025
71	Cảm biến áp suất vào tăng áp 161-9926	Cái	2	9.071.000	18.142.000	10	1.814.200	2023-2025
72	Bạc bộ lai bơm ép 162-0150	Cái	2	728.000	1.456.000	10	145.600	2023-2025
73	Bạc bộ lai bơm ép 162-0151	Cái	2	843.000	1.686.000	10	168.600	2023-2025
74	Bạc bộ lai bơm ép 162-0152	Cái	2	2.877.000	5.754.000	10	575.400	2023-2025
75	Đệm bằng trước 166-9145	Cái	2	1.330.000	2.660.000	8	212.800	2023-2025
76	Cảm biến áp lực tác động phun 167-1709	Cái	2	9.071.000	18.142.000	10	1.814.200	2023-2025
77	Giảm chấn động cơ 167-8130	Cái	1	60.308.000	60.308.000	8	4.824.640	2023-2025
78	Cảm biến báo dòng nước 171-8708	Cái	2	7.843.000	15.686.000	8	1.254.880	2023-2025
79	Van phanh trước 172-6232	Cái	1	28.742.000	28.742.000	8	2.299.360	2023-2025
80	Bi chữ thập các đăng 173-0888	Cái	5	4.661.000	23.305.000	8	1.864.400	2023-2025
81	Mô tơ quạt điều hòa 453-2441 174-1489	Cái	2	12.704.000	25.408.000	8	2.032.640	2023-2025
82	Gioăng ống hút 176-0267	Cái	5	1.653.000	8.265.000	8	661.200	2023-2025
83	Ca trong vòng bi bị động 177-7886	Cái	3	3.571.000	10.713.000	8	857.040	2023-2025
84	Dây điện kim phun 179-7087	Cái	12	2.751.000	33.012.000	10	3.301.200	2023-2025
85	Gioăng bộ lai bơm ép 180-6646	Cái	5	243.000	1.215.000	8	97.200	2023-2025
86	Vòng bi đầu trục+ cuối trục 185-2655	Cái	4	7.574.000	30.296.000	8	2.423.680	2023-2025
87	Bộ gioăng phốt biến mô 188-2888	Bộ	5	19.518.000	97.590.000	8	7.807.200	2023-2025

88	Phin lọc tách nước khí nén 190-0760	Cái	5	9.214.000	46.070.000	8	3.685.600	2023-2025
89	Vành răng truyền lực biển mô 192-0876	Cái	1	34.537.000	34.537.000	8	2.762.960	2023-2025
90	Piston động cơ 192-2209	Cái	12	15.382.000	184.584.000	8	14.766.720	2023-2025
91	Xéc măng khí 192-8807	Cái	120	1.804.000	216.480.000	8	17.318.400	2023-2025
92	Gioăng bằng trước 193-9155	Cái	5	461.000	2.305.000	8	184.400	2023-2025
93	Cảm biến áp suất nhiên liệu 194-6725	Cái	2	9.071.000	18.142.000	10	1.814.200	2023-2025
94	Xi lanh 197-9322	Cái	12	8.868.000	106.416.000	8	8.513.280	2023-2025
95	Gioăng 198-6068	Cái	12	413.000	4.956.000	8	396.480	2023-2025
96	Vòng bi trục bánh răng tốc độ 1B-3867	Vòng	5	1.027.000	5.135.000	8	410.800	2023-2025
97	Phin lọc hộp số biển mô 1G-8878	Cái	24	1.069.000	25.656.000	8	2.052.480	2023-2025
98	Gioăng giảm sóc 1H-8278	Cái	20	162.000	3.240.000	8	259.200	2023-2025
99	Bạc bơm biển mô 1M-3909	Cái	5	1.656.000	8.280.000	10	828.000	2023-2025
100	Xéc măng 1M-4169	Cái	5	692.000	3.460.000	8	276.800	2023-2025
101	Gioăng 1P-3705	Cái	10	129.000	1.290.000	8	103.200	2023-2025
102	Gioăng áp lực cao 1P-3707	Cái	20	150.000	3.000.000	8	240.000	2023-2025
103	Gioăng 1P-3709	Cái	10	172.000	1.720.000	8	137.600	2023-2025
104	Ca trong vòng bi chủ động 1P-3935	Cái	2	5.631.000	11.262.000	8	900.960	2023-2025
105	Ca bi 1P-6872	Cái	3	845.000	2.535.000	8	202.800	2023-2025
106	Phin lọc tinh nhiên liệu 1R-0749	Cái	20	391.000	7.820.000	8	625.600	2023-2025
107	Phin lọc tinh nhiên liệu 1R-0762	Cái	30	595.000	17.850.000	8	1.428.000	2023-2025
108	Phin lọc dầu động cơ 1R-1808	Cái	120	487.000	58.440.000	8	4.675.200	2023-2025
109	Gioăng phốt 1S-6478	Cái	2	1.621.000	3.242.000	8	259.360	2023-2025
110	Xéc măng 1S-9496	Cái	2	1.324.000	2.648.000	8	211.840	2023-2025
111	Xéc măng 1S-9497	Cái	2	1.092.000	2.184.000	8	174.720	2023-2025
112	Gioăng piston côn 1S-9498	Cái	2	1.202.000	2.404.000	8	192.320	2023-2025
113	Gioăng bích 1T-0132	Cái	5	291.000	1.455.000	8	116.400	2023-2025
114	Gioăng cao su 1T-0136	Cái	5	225.000	1.125.000	8	90.000	2023-2025
115	Căn 1T-1011	Cái	5	75.000	375.000	10	37.500	2023-2025
116	Căn 1T-1012	Cái	5	65.000	325.000	10	32.500	2023-2025
117	Bạc 1T-1353	Cái	3	1.384.000	4.152.000	10	415.200	2023-2025
118	Đế xu páp xà 1W-5283	Cái	24	964.000	23.136.000	8	1.850.880	2023-2025

119	Van phanh chân 204-4270	Cái	1	12.614.000	12.614.000	8	1.009.120	2023-2025
120	Gioăng piston chia dầu phanh sau 205-0567	Bộ	2	2.785.000	5.570.000	8	445.600	2023-2025
121	Giảm sóc ghế lái 212-7779	Cái	1	10.907.000	10.907.000	8	872.560	2023-2025
122	Xéc măng dầu 213-7454	Cái	120	1.804.000	216.480.000	8	17.318.400	2023-2025
123	Cuộn điện 218-9898	Cái	2	3.787.000	7.574.000	8	605.920	2023-2025
124	Van nạp khí 222-2367	Cái	3	2.955.000	8.865.000	8	709.200	2023-2025
125	Gioăng nắp máy 230-0940	Cái	5	1.556.000	7.780.000	8	622.400	2023-2025
126	Công tắc nâng hạ ben 231-3869	Cái	2	18.892.000	37.784.000	8	3.022.720	2023-2025
127	Kim phun điện tử 232-1171	Cái	12	34.358.000	412.296.000	8	32.983.680	2023-2025
128	Gioăng 234-8937	Cái	5	493.000	2.465.000	8	197.200	2023-2025
129	Phốt dầu tăng tốc 235-2484	Cái	3	3.277.000	9.831.000	8	786.480	2023-2025
130	Gioăng cảm biến 238-5080	Cái	5	213.000	1.065.000	8	85.200	2023-2025
131	Gioăng tròn 238-5082	Cái	5	296.000	1.480.000	8	118.400	2023-2025
132	Van hằng nhiệt 248-5513	Cái	5	2.475.000	12.375.000	8	990.000	2023-2025
133	Cảm biến tốc độ đầu ra hộp số 258-4521	Cái	3	10.577.000	31.731.000	10	3.173.100	2023-2025
134	Cảm biến thời điểm nổ (129-6628) 522-1641 265-9033	Cái	2	10.015.000	20.030.000	10	2.003.000	2023-2025
135	Cảm biến chân ga 266-1466	Cái	1	6.994.000	6.994.000	10	699.400	2023-2025
136	Van định áp 282-1915	Cái	2	2.190.000	4.380.000	8	350.400	2023-2025
137	Bộ gioăng phốt hộp số 282-6655	Bộ	3	37.491.000	112.473.000	8	8.997.840	2023-2025
138	Phốt 289-2937	Cái	5	1.317.000	6.585.000	8	526.800	2023-2025
139	Phốt 289-2948	Cái	5	973.000	4.865.000	10	486.500	2023-2025
140	Mô tơ lên xuống kính 292-6964	Cái	1	21.127.000	21.127.000	8	1.690.160	2023-2025
141	Bộ gioăng phốt xi lanh lái 294-9583	Bộ	5	3.258.000	16.290.000	8	1.303.200	2023-2025
142	Gioăng phốt giảm sóc trước 297-6847	Bộ	5	17.772.000	88.860.000	8	7.108.800	2023-2025
143	Gioăng phốt giảm sóc sau 297-6848	Bộ	5	7.224.000	36.120.000	8	2.889.600	2023-2025
144	Đệm bằng sau 2A-1162	Cái	10	83.000	830.000	8	66.400	2023-2025
145	Gioăng bìa 2A-3398	Cái	10	176.000	1.760.000	8	140.800	2023-2025
146	Gioăng tròn 2D-6392	Cái	10	34.000	340.000	8	27.200	2023-2025
147	Gioăng đường ống 2D-8009	Cái	10	234.000	2.340.000	8	187.200	2023-2025
148	Vòng bi 2D-9457	Vòng	2	7.516.000	15.032.000	8	1.202.560	2023-2025
149	Gioăng đầu dè 2F-6678	Cái	5	315.000	1.575.000	8	126.000	2023-2025

150	Măng xéc bầu phanh 2G-1203	Cái	1	5.127.000	5.127.000	8	410.160	2023-2025
151	Gioăng 2H-3927	Cái	10	145.000	1.450.000	8	116.000	2023-2025
152	Gioăng cao su 2H-3932	Cái	10	81.000	810.000	8	64.800	2023-2025
153	Gioăng cụm chia dầu phanh sau 175-7898 2H-4145	Cái	5	207.000	1.035.000	8	82.800	2023-2025
154	Gioăng giảm sóc 2H-5001	Cái	10	42.000	420.000	8	33.600	2023-2025
155	Gioăng 2H-6338	Cái	10	192.000	1.920.000	8	153.600	2023-2025
156	Gioăng tròn 2M-0340	Cái	5	278.000	1.390.000	8	111.200	2023-2025
157	Gioăng 2M-1395	Cái	5	95.000	475.000	8	38.000	2023-2025
158	Gioăng mặt bích 2M-3818	Cái	3	463.000	1.389.000	8	111.120	2023-2025
159	Gioăng bằng sau 2M-5446	Cái	5	87.000	435.000	8	34.800	2023-2025
160	Vòng bi 2M-5685	Vòng	2	831.000	1.662.000	10	166.200	2023-2025
161	Gioăng 2P-4305	Cái	5	117.000	585.000	8	46.800	2023-2025
162	Vòng bi côn trục BR lai bơm ben lái 2P-8987	Vòng	3	2.213.000	6.639.000	8	531.120	2023-2025
163	Vòng bi 2S-0669	Vòng	3	436.000	1.308.000	8	104.640	2023-2025
164	Trục bánh răng 2S-4899	Cái	3	3.688.000	11.064.000	8	885.120	2023-2025
165	gioăng 2S-6151	Cái	5	84.000	420.000	8	33.600	2023-2025
166	Bin điện (hộp số, biển mô) 302-3809	Cái	2	10.421.000	20.842.000	8	1.667.360	2023-2025
167	Gioăng ca xoa bé 773E 314-4120	Bộ	5	10.499.810	52.499.050	8	4.199.924	2023-2025
168	Cám biển vòng tua động cơ 318-1181	Cái	2	5.914.000	11.828.000	10	1.182.800	2023-2025
169	Dây điện hộp số 324-0843	Cái	2	3.527.000	7.054.000	10	705.400	2023-2025
170	Dây điện hộp số 326-4100	Cái	1	11.096.000	11.096.000	10	1.109.600	2023-2025
171	Pin điện 326-5212	Cái	3	1.368.000	4.104.000	8	328.320	2023-2025
172	Măng xéc giảm sóc 433-5903 327-1055	Cái	5	2.414.000	12.070.000	8	965.600	2023-2025
173	Phốt bơm nước 349-2654	Cái	3	3.019.000	9.057.000	8	724.560	2023-2025
174	Van phanh rà 351-0524 236-6570	Cái	1	16.730.000	16.730.000	8	1.338.400	2023-2025
175	Gioăng nước 359-1439	Cái	3	171.000	513.000	8	41.040	2023-2025
176	Gioăng bằng trước 379-5053	Cái	2	593.000	1.186.000	8	94.880	2023-2025
177	Ca vòng bi nhỏ quả dứa 3D-1100	Cái	2	4.474.000	8.948.000	8	715.840	2023-2025
178	Vòng bi nhỏ quả dứa 3D-1101	Vòng	2	11.280.000	22.560.000	8	1.804.800	2023-2025
179	Gioăng bơm 3D-4245	Cái	5	66.000	330.000	8	26.400	2023-2025
180	Gioăng vòi phun 250-0466 3E-6747	Cái	24	341.000	8.184.000	8	654.720	2023-2025
181	Gioăng tròn 3E-6769	Cái	3	200.000	600.000	8	48.000	2023-2025

182	Gioăng giữa bom phanh và bom lái 3E-6799	Cái	3	657.000	1.971.000	8	157.680	2023-2025
183	Bi bu ly cánh quạt 3L-1425	Cái	3	1.744.000	5.232.000	10	523.200	2023-2025
184	Gioăng 228-4947 3P-0647	Cái	3	216.000	648.000	8	51.840	2023-2025
185	Gioăng tròn 3P-1155	Cái	3	330.000	990.000	8	79.200	2023-2025
186	Vành răng Z89 số ( 2+3) 3P-8167	Cái	1	63.826.000	63.826.000	10	6.382.600	2023-2025
187	Xéc măng 3S-0142	Cái	3	1.456.000	4.368.000	8	349.440	2023-2025
188	Xéc măng 3S-1278	Cái	3	1.434.000	4.302.000	8	344.160	2023-2025
189	Xéc măng 3S-1282	Cái	3	1.257.000	3.771.000	8	301.680	2023-2025
190	Xéc măng 3S-1283	Cái	3	1.126.000	3.378.000	8	270.240	2023-2025
191	Bạc trục 3S-1292	Cái	3	1.627.000	4.881.000	10	488.100	2023-2025
192	Gioăng 3S-9643	Cái	3	629.000	1.887.000	8	150.960	2023-2025
193	Chôi than 3T-9524	Cái	6	551.000	3.306.000	8	264.480	2023-2025
194	Gioăng đầu, đuôi hộp số 4D-0449	Cái	3	485.000	1.455.000	8	116.400	2023-2025
195	Gioăng 4F-7390	Cái	3	183.000	549.000	8	43.920	2023-2025
196	Gioăng tròn 4J-0519	Cái	3	87.000	261.000	8	20.880	2023-2025
197	Gioăng tròn 4J-0524	Cái	3	119.000	357.000	8	28.560	2023-2025
198	Gioăng tròn 4J-0525	Cái	3	125.000	375.000	8	30.000	2023-2025
199	Gioăng tròn 4J-0527	Cái	3	138.000	414.000	8	33.120	2023-2025
200	Gioăng tròn 4J-2506	Cái	3	41.000	123.000	8	9.840	2023-2025
201	Gioăng giảm sóc 4J-6557	Cái	3	135.000	405.000	8	32.400	2023-2025
202	Gioăng cổ đồ dầu biến mô 4M-0189	Cái	3	212.000	636.000	8	50.880	2023-2025
203	Lò xo 4M-9592	Cái	3	266.000	798.000	10	79.800	2023-2025
204	Gioăng bích giảm tốc cạnh 4S-5924	Cái	5	411.000	2.055.000	8	164.400	2023-2025
205	Phin lọc dầu lái 4T-6788	Cái	20	281.000	5.620.000	8	449.600	2023-2025
206	Gioăng 5D-7523	Cái	5	709.000	3.545.000	8	283.600	2023-2025
207	Gioăng bom 5F-3999	Cái	5	223.000	1.115.000	8	89.200	2023-2025
208	Gioăng tròn 5H-6005	Cái	5	47.000	235.000	8	18.800	2023-2025
209	Gioăng cổ hút 5H-7704	Cái	5	506.000	2.530.000	8	202.400	2023-2025
210	Gioăng giảm sóc 5J-1731	Cái	10	322.000	3.220.000	8	257.600	2023-2025
211	Gioăng giảm sóc 5J-6444	Cái	10	131.000	1.310.000	8	104.800	2023-2025
212	Gioăng tròn 5K-9090	Cái	10	59.000	590.000	8	47.200	2023-2025

213	Vòng bi 5M-0578	Vòng	2	650.000	1.300.000	8	104.000	2023-2025
214	Vòng bi 5M-2051	Vòng	2	738.000	1.476.000	10	147.600	2023-2025
215	Vòng bi 5M-5018	Vòng	2	539.000	1.078.000	8	86.240	2023-2025
216	Vòng bi 5M-6126	Vòng	2	603.000	1.206.000	8	96.480	2023-2025
217	Gioăng máy nén khí 5M-6509	Cái	5	122.000	610.000	8	48.800	2023-2025
218	Bạc đỡ đầu trục 5M-8651	Cái	3	839.000	2.517.000	10	251.700	2023-2025
219	Dây đai cánh quạt (1bộ = 3 cái) 5N-4751	Cái	1	5.784.000	5.784.000	8	462.720	2023-2025
220	Gioăng tròn 5P-3108	Cái	5	58.000	290.000	8	23.200	2023-2025
221	Gioăng moay σ 5P-4076	Cái	5	600.000	3.000.000	8	240.000	2023-2025
222	Gioăng 5P-5010	Cái	5	3.267.000	16.335.000	8	1.306.800	2023-2025
223	Gioăng 5P-7815	Cái	5	385.000	1.925.000	8	154.000	2023-2025
224	Gioăng 5P-8356	Cái	5	256.000	1.280.000	8	102.400	2023-2025
225	Gioăng 5P-8429	Cái	5	1.484.000	7.420.000	8	593.600	2023-2025
226	Gioăng 5P-8940	Cái	5	1.127.000	5.635.000	8	450.800	2023-2025
227	Gioăng hộp số 5P-9186	Cái	5	243.000	1.215.000	8	97.200	2023-2025
228	Gioăng tăng áp 112-3540 5P-9890	Cái	5	433.000	2.165.000	8	173.200	2023-2025
229	Vòng bi 5S-4442	Vòng	3	1.335.000	4.005.000	8	320.400	2023-2025
230	Vòng bi to quả dứa 6B-4852	Vòng	2	27.548.000	55.096.000	8	4.407.680	2023-2025
231	Gioăng 6D-1355	Cái	5	572.000	2.860.000	8	228.800	2023-2025
232	Van định áp 6D-3781	Cái	3	3.713.000	11.139.000	8	891.120	2023-2025
233	Xéc măng hộp số 6F-0155	Cái	10	402.000	4.020.000	8	321.600	2023-2025
234	Gioăng cao su 6F-6672	Cái	5	55.000	275.000	8	22.000	2023-2025
235	Gioăng moay σ 6F-8146	Cái	5	202.000	1.010.000	8	80.800	2023-2025
236	Căn quả dứa vi sai 6G-1881	Cái	10	312.000	3.120.000	10	312.000	2023-2025
237	Căn quả dứa vi sai 6G-1893	Cái	10	237.000	2.370.000	10	237.000	2023-2025
238	Căn 6G-4363	Cái	3	2.737.000	8.211.000	10	821.100	2023-2025
239	Xéc măng hộp số 6H-7201	Cái	5	324.000	1.620.000	8	129.600	2023-2025
240	Phin lọc gió thô động cơ 6I-2505	Cái	20	1.726.000	34.520.000	8	2.761.600	2023-2025
241	Phin lọc gió tinh động cơ 6I-2506	Cái	20	951.000	19.020.000	8	1.521.600	2023-2025
242	Gioăng tròn 6J-2680	Cái	5	159.000	795.000	8	63.600	2023-2025
243	Gioăng máy nén khí 597-1291 6L-1883	Cái	5	97.000	485.000	8	38.800	2023-2025
244	Gioăng 6L-9405	Cái	5	333.000	1.665.000	8	133.200	2023-2025

245	Gioăng mặt bích 6M-5218	Cái	5	553.000	2.765.000	8	221.200	2023-2025
246	Gioăng máy nén khí 6N-0634	Cái	5	262.000	1.310.000	8	104.800	2023-2025
247	Gioăng mặt máy nén khí 6N-2098	Cái	5	218.000	1.090.000	8	87.200	2023-2025
248	Bộ chia dầu 486-9750 6P-7709	Cái	1	19.346.000	19.346.000	10	1.934.600	2023-2025
249	Trục BR hành tinh 6P-9269	Cái	3	5.053.000	15.159.000	8	1.212.720	2023-2025
250	Xéc măng 6T-5611	Cái	3	492.000	1.476.000	10	147.600	2023-2025
251	Bi đỡ bánh răng trung gian buồng sau 6V-7725	Vòng	2	12.014.000	24.028.000	8	1.922.240	2023-2025
252	Gioăng bơm 6V-8260	Cái	5	973.000	4.865.000	8	389.200	2023-2025
253	Gioăng 6V-8397	Cái	5	47.000	235.000	8	18.800	2023-2025
254	Gioăng dầu ống nhiên liệu 6V-8398	Cái	5	48.000	240.000	8	19.200	2023-2025
255	Gioăng tròn 6V-8676	Cái	5	424.000	2.120.000	8	169.600	2023-2025
256	Gioăng tròn 6V-9746	Cái	5	53.000	265.000	8	21.200	2023-2025
257	Vòng bi giảm tốc cạnh 6Y-4119	Vòng	6	4.404.000	26.424.000	8	2.113.920	2023-2025
258	Xéc măng 6Y-5888	Cái	3	3.382.000	10.146.000	8	811.680	2023-2025
259	Gioăng đường khí 7C-0307	Cái	5	69.000	345.000	8	27.600	2023-2025
260	Xéc măng bơm dầu 7C-1511	Cái	3	1.026.000	3.078.000	8	246.240	2023-2025
261	Gioăng bầu phanh 7D-7519	Cái	5	467.000	2.335.000	8	186.800	2023-2025
262	Gioăng tròn 7D-8048	Cái	5	99.000	495.000	8	39.600	2023-2025
263	Gioăng 7F-0938	Cái	5	65.000	325.000	10	32.500	2023-2025
264	Gioăng cụm chia dầu phanh sau 773E 7F-2122	Cái	5	212.000	1.060.000	8	84.800	2023-2025
265	Gioăng đường dầu vào cụm chia dầu 7J-9108	Cái	5	51.000	255.000	8	20.400	2023-2025
266	Gioăng đệm 7L-2894	Cái	5	164.000	820.000	8	65.600	2023-2025
267	Lò xo 7M-5813	Cái	3	417.000	1.251.000	10	125.100	2023-2025
268	Van bình khí nén 7X-7655	Cái	2	1.285.000	2.570.000	8	205.600	2023-2025
269	Gioăng giảm sóc 7Y-4294	Cái	5	275.000	1.375.000	8	110.000	2023-2025
270	Gioăng đường khí 8C-3089	Cái	5	634.000	3.170.000	8	253.600	2023-2025
271	Gioăng 8C-3093	Cái	5	219.000	1.095.000	8	87.600	2023-2025
272	Phin lọc gió ngoài ca bin 8C-9657	Cái	5	770.000	3.850.000	8	308.000	2023-2025
273	Cần 8E-8299	Cái	5	246.000	1.230.000	8	98.400	2023-2025
274	Cần 8E-8311	Cái	5	394.000	1.970.000	8	157.600	2023-2025
275	Bi bu ly cánh quạt 8H-9789	Cái	3	1.262.000	3.786.000	10	378.600	2023-2025

276	Gioăng 8L-2746	Cái	5	194.000	970.000	8	77.600	2023-2025
277	Gioăng bộ khóa biển mô 8L-2777	Cái	5	186.000	930.000	8	74.400	2023-2025
278	Gioăng 464-0509 8L-2779	Cái	5	164.000	820.000	8	65.600	2023-2025
279	Gioăng moay ơ 8L-9241	Cái	5	232.000	1.160.000	8	92.800	2023-2025
280	Gioăng tròn 8M-1112	Cái	5	136.000	680.000	8	54.400	2023-2025
281	Gioăng cao su bích van nạp khí 8M-4435	Cái	5	122.000	610.000	8	48.800	2023-2025
282	Gioăng đường khí 8M-7065	Cái	5	61.000	305.000	8	24.400	2023-2025
283	Gioăng máy nén khí 8N-3665	Cái	1	755.000	755.000	8	60.400	2023-2025
284	Phin lọc đường hút hộp số 8P-3795	Cái	5	1.356.000	6.780.000	10	678.000	2023-2025
285	Vòng bi côn trục BR lai bơm ben lái 8S-9152	Vòng	3	2.652.000	7.956.000	8	636.480	2023-2025
286	Bạc phíp 8T-1127	Cái	3	2.042.000	6.126.000	8	490.080	2023-2025
287	Gioăng cao su 8T-2885	Cái	5	161.000	805.000	8	64.400	2023-2025
288	Bạc phíp 8T-7692	Cái	3	9.510.000	28.530.000	10	2.853.000	2023-2025
289	Xéc măng giảm sóc 8T-7694	Cái	3	3.094.000	9.282.000	8	742.560	2023-2025
290	Bạc phíp 8T-7695	Cái	3	4.769.000	14.307.000	8	1.144.560	2023-2025
291	Xéc măng phanh 9D-7986	Cái	10	2.680.000	26.800.000	8	2.144.000	2023-2025
292	Xéc măng phanh 9D-7987	Cái	10	2.413.000	24.130.000	8	1.930.400	2023-2025
293	Xéc măng phanh 9D-7988	Cái	10	3.188.000	31.880.000	8	2.550.400	2023-2025
294	Gioăng 9F-4446	Cái	20	221.000	4.420.000	8	353.600	2023-2025
295	Gioăng hộp số 9H-3360	Cái	10	637.000	6.370.000	8	509.600	2023-2025
296	Dây đai điều hòa 9L-1130	Cái	1	1.718.000	1.718.000	8	137.440	2023-2025
297	Dây đai máy phát 9L-6639	Cái	1	1.600.000	1.600.000	8	128.000	2023-2025
298	Gioăng 9L-6924	Cái	5	100.000	500.000	8	40.000	2023-2025
299	Van máy nén khí 9M-0381	Cái	5	460.000	2.300.000	10	230.000	2023-2025
300	Bộ gioăng phớt van xả hơi 629-3045 9M-0402	Bộ	2	1.004.000	2.008.000	8	160.640	2023-2025
301	Vòng bi 9M-1997	Vòng	5	2.005.000	10.025.000	8	802.000	2023-2025
302	Chốt bi hộp số 9M-2001	Cái	5	130.000	650.000	10	65.000	2023-2025
303	Vòng bi 9M-2744	Vòng	4	15.173.000	60.692.000	8	4.855.360	2023-2025
304	Gioăng hộp số 9M-4218	Cái	5	416.000	2.080.000	8	166.400	2023-2025
305	Căn 9M-5874	Cái	5	1.032.000	5.160.000	10	516.000	2023-2025
306	Gioăng moay ơ 9M-5892	Cái	5	612.000	3.060.000	8	244.800	2023-2025

307	Lò xo tách côn 9M-6193	Cái	135	133.000	17.955.000	10	1.795.500	2023-2025
308	Gioăng hộp số 9M-7002	Cái	10	266.000	2.660.000	8	212.800	2023-2025
309	Lá đồng bộ côn số 3,4 9W-4662	Cái	5	4.474.000	22.370.000	8	1.789.600	2023-2025
310	Lá ma sát bầu phanh 9W-7017	Cái	5	4.300.000	21.500.000	8	1.720.000	2023-2025
311	Bánh răng tốc độ hộp số 9W-7334	Cái	2	7.956.000	15.912.000	8	1.272.960	2023-2025
312	Gioăng bầu phanh 9X-7307	Cái	5	2.147.000	10.735.000	8	858.800	2023-2025
313	Gioăng tròn 9X-7371	Cái	5	980.000	4.900.000	8	392.000	2023-2025
314	Gioăng 9X-7378	Cái	5	77.000	385.000	8	30.800	2023-2025
315	Gioăng 9X-7408	Cái	5	78.000	390.000	8	31.200	2023-2025
316	Gioăng tròn 228-7088 9X-7680	Cái	5	173.000	865.000	8	69.200	2023-2025
317	Gioăng vòi phun 9X-7681	Cái	5	198.000	990.000	8	79.200	2023-2025
318	Gioăng 9X-7734	Cái	5	243.000	1.215.000	8	97.200	2023-2025
319	Gioăng bằng sau 9Y-6089	Cái	5	218.000	1.090.000	8	87.200	2023-2025
320	Ca xéc măng bộ côn số 2 6P-7706	Cái	1	10.950.000	10.950.000	8	876.000	2023-2025
321	Bộ kit xi lanh phanh 318-8229	Cái	1	6.416.000	6.416.000	8	513.280	2023-2025
322	Gioăng tròn 4J-0528	Cái	5	143.000	715.000	8	57.200	2023-2025
323	Gioăng tròn 4K-2039	Cái	5	43.000	215.000	8	17.200	2023-2025
324	Gioăng bầu phanh 123-2941	Cái	5	663.000	3.315.000	8	265.200	2023-2025
325	Gioăng phốt tổng phanh trước 5T-4748	Bộ	1	6.368.000	6.368.000	8	509.440	2023-2025
326	Bộ gioăng phốt trung tu động cơ MG1001	Bộ	5	145.443.000	727.215.000	8	58.177.200	2023-2025
327	Bộ gioăng phốt bơm ben phanh 232-0242	Bộ	1	9.982.000	9.982.000	8	798.560	2023-2025
328	Gioăng tròn 112-3102	Cái	10	226.000	2.260.000	8	180.800	2023-2025
329	Gioăng 180-8424	Cái	10	44.000	440.000	8	35.200	2023-2025
330	Gioăng 214-1727	Cái	6	849.000	5.094.000	8	407.520	2023-2025
331	Gioăng tròn 224-6079	Cái	10	393.000	3.930.000	8	314.400	2023-2025
332	Gioăng tròn 238-6646	Cái	10	1.201.000	12.010.000	8	960.800	2023-2025
333	Giăng các te 353-1648	Cái	10	1.124.000	11.240.000	8	899.200	2023-2025
334	Gioăng tròn 502-4034	Cái	10	1.073.000	10.730.000	8	858.400	2023-2025
335	Gioăng bơm ép 6V-5050	Cái	10	282.000	2.820.000	8	225.600	2023-2025
336	Gioăng tròn 6V-5064	Cái	10	78.000	780.000	8	62.400	2023-2025
337	Gioăng tròn cao su thuộc bộ làm mát dầu động cơ 6V-9027	Cái	10	40.000	400.000	8	32.000	2023-2025

338	Gioăng 6V-9028	Cái	10	44.000	440.000	8	35.200	2023-2025
339	Gioăng tròn 8T-1703	Cái	10	133.000	1.330.000	8	106.400	2023-2025
340	Gioăng 8T-3298	Cái	10	147.000	1.470.000	8	117.600	2023-2025
341	Cảm biến nhiệt độ dầu máy 106-0735	Cái	2	7.171.000	14.342.000	10	1.434.200	2023-2025
342	Van phanh 2G-3594	Cái	3	4.797.000	14.391.000	8	1.151.280	2023-2025
343	Kít nén khí 6I-1220	Bộ	2	1.373.000	2.746.000	10	274.600	2023-2025
344	Van sấy khí 470-0213	Cái	1	8.151.000	8.151.000	8	652.080	2023-2025
345	Gioăng 151-7109	Cái	5	1.122.000	5.610.000	8	448.800	2023-2025
346	Bộ seals kit van phanh trước 197-7484	Bộ	2	4.532.000	9.064.000	8	725.120	2023-2025
347	Gioăng ca xoa moay ơ trước 4M-0660	Cái	5	823.000	4.115.000	8	329.200	2023-2025
348	Cảm biến vị trí số 338-1462	Cái	1	28.745.000	28.745.000	10	2.874.500	2023-2025
349	Gioăng tròn 4J-0523	Cái	5	113.000	565.000	8	45.200	2023-2025
350	Cảm biến chân phanh 266-1467	Cái	1	6.994.000	6.994.000	10	699.400	2023-2025
351	Gioăng van phanh đỗ 3T-5224	Cái	4	337.000	1.348.000	8	107.840	2023-2025
352	Bạc trục chính hộp số 486-9752	Cái	5	1.257.000	6.285.000	10	628.500	2023-2025
353	Gioăng 104-6730	Cái	5	81.000	405.000	8	32.400	2023-2025
354	Gioăng van điện 117-2983	Cái	5	75.000	375.000	8	30.000	2023-2025
355	Gioăng 4N-1419	Cái	5	135.000	675.000	8	54.000	2023-2025
356	Gioăng 6N-0992	Cái	5	256.000	1.280.000	8	102.400	2023-2025
357	Gioăng đệm 9L-1633	Cái	5	105.000	525.000	8	42.000	2023-2025
358	Phốt 8S-5575	Cái	2	243.000	486.000	8	38.880	2023-2025
359	Gioăng ca xoa moay ơ trước 4M-0736	Cái	4	1.040.000	4.160.000	8	332.800	2023-2025
360	Phốt van lái 6V-1604	Cái	2	731.000	1.462.000	8	116.960	2023-2025
361	Phin lọc gió 211-2660	Cái	5	904.000	4.520.000	8	361.600	2023-2025
362	Phin lọc thông hơi thùng dầu thủy lực 245-7451	Cái	5	798.000	3.990.000	10	399.000	2023-2025
363	Phin lọc thông hơi xi lanh phanh 8J-5604	Cái	5	323.000	1.615.000	10	161.500	2023-2025
364	Van phanh đỗ 128-4971	Cái	2	5.805.000	11.610.000	8	928.800	2023-2025
365	Gioăng chân kết nước 511-3119	Cái	5	1.898.000	9.490.000	8	759.200	2023-2025
366	Công tắc phanh rà 284-3622	Cái	2	1.425.000	2.850.000	8	228.000	2023-2025
367	Bơm nước động cơ 352-2077	Cái	1	55.973.000	55.973.000	8	4.477.840	2023-2025
368	Lọc van đi số 6T-7640	Cái	5	576.000	2.880.000	8	230.400	2023-2025
369	Gioăng đệm 117-5268	Cái	5	233.000	1.165.000	8	93.200	2023-2025

370	Phốt 135-5935	Cái	5	930.000	4.650.000	8	372.000	2023-2025
371	Công tắc vị trí ben 228-4808	Cái	2	7.839.000	15.678.000	8	1.254.240	2023-2025
372	Vòng bi 6V-3916	Cái	3	1.093.000	3.279.000	8	262.320	2023-2025
373	Bơm nước động cơ 352-0200	Cái	1	73.279.000	73.279.000	8	5.862.320	2023-2025
374	Van phanh 213-1081	Cái	2	6.959.000	13.918.000	8	1.113.440	2023-2025
375	Phin lọc tinh nhiên liệu 1R-0755	Cái	30	963.000	28.890.000	8	2.311.200	2023-2025
376	Phin lọc tách nước 326-1643	Cái	30	717.000	21.510.000	8	1.720.800	2023-2025
377	Mỡ chịu nhiệt (16Kg/xô) 4526009	Kg	160	306.000	48.960.000	10	4.896.000	2023-2025
378	Phin lọc khí nạp thô 6I-2501	Cái	4	2.063.000	8.252.000	8	660.160	2023-2025
379	Phin lọc khí nạp tinh 6I-2502	Cái	4	1.543.000	6.172.000	8	493.760	2023-2025
380	Phin lọc gió trong điều hòa 6T-5068	Cái	4	892.000	3.568.000	8	285.440	2023-2025
381	Phin lọc gió ngoài điều hòa 6T-0988	Cái	4	1.430.000	5.720.000	8	457.600	2023-2025
382	Phin lọc dầu thủy lực số 624-1845 328-3655	Cái	20	1.845.000	36.900.000	8	2.952.000	2023-2025
383	Phin lọc thô tách nước nhiên liệu 326-1644	Cái	20	647.000	12.940.000	8	1.035.200	2023-2025
384	Bạc càng a cầu sau 243-3071	Cái	2	7.953.000	15.906.000	10	1.590.600	2023-2025
385	Vòng ren khóa bi chao 288-2747	Cái	5	5.016.000	25.080.000	10	2.508.000	2023-2025
386	Bu lông khóa càng a cầu sau 8T-0283	Cái	12	761.000	9.132.000	10	913.200	2023-2025
387	Vòng đệm 198-4772	Cái	4	784.000	3.136.000	10	313.600	2023-2025
388	Ca trong vòng bi nhỏ moay ơ 6V-0663	Cái	1	8.049.000	8.049.000	8	643.920	2023-2025
389	Ca ngoài bi nhỏ moay ơ 6V-0662	Cái	1	2.748.000	2.748.000	8	219.840	2023-2025
390	Ca trong vòng bi to moay ơ 6V-0664	Cái	1	16.507.000	16.507.000	8	1.320.560	2023-2025
391	Ca ngoài vòng bi to moay ơ 5F-2465	Cái	1	6.061.000	6.061.000	8	484.880	2023-2025
392	Vòng bi truyền động cuối 4B-3693	Cái	2	3.818.000	7.636.000	8	610.880	2023-2025
393	Gioăng ca xoa 6Y-0859	Cái	2	10.144.000	20.288.000	8	1.623.040	2023-2025
394	Phốt trực láp 419-4175	Cái	2	903.000	1.806.000	8	144.480	2023-2025
395	Gioăng 8J-1665	Cái	5	297.000	1.485.000	8	118.800	2023-2025
396	Gioăng 9H-0846	Cái	5	599.000	2.995.000	8	239.600	2023-2025
397	Gioăng giảm tốc 090-3093	Cái	5	241.000	1.205.000	8	96.400	2023-2025
398	Cần bánh răng giảm tốc cạnh 7T-2530	Cái	3	3.872.000	11.616.000	8	929.280	2023-2025
399	Cần bánh răng giảm tốc cạnh 9W-3232	Cái	3	1.026.000	3.078.000	10	307.800	2023-2025
400	Bi bánh răng giảm tốc cạnh 6V-0661	Cái	3	4.044.000	12.132.000	8	970.560	2023-2025

401	Ca bi 2P-1370	Cái	3	1.918.000	5.754.000	8	460.320	2023-2025
402	Điều tốc máy nén khí 4N-9680 628-1010	Cái	2	1.783.000	3.566.000	8	285.280	2023-2025
403	Bu lông các đấng 9V-3811	Cái	10	544.000	5.440.000	10	544.000	2023-2025
404	Nước làm mát động cơ CAT-ELI 210 lít/phuy 469-2725	Lít	840	67.000	56.280.000	10	5.628.000	2023-2025
405	Móng hãm 2A-4429	Cái	240	42.000	10.080.000	10	1.008.000	2023-2025
406	Bạc trục cơ cot 0 317-8766	Cái	35	2.916.000	102.060.000	10	10.206.000	2023-2025
407	Bạc biên cot 0 328-5574	Cặp	120	1.731.000	207.720.000	10	20.772.000	2023-2025
408	Xéc măng lửa 134-3761	Cái	120	1.804.000	216.480.000	8	17.318.400	2023-2025
409	Bu lông chân máy sau 2A-1538	Cái	30	162.000	4.860.000	10	486.000	2023-2025
410	Long đen chân máy sau 5P-8248	Cái	30	56.000	1.680.000	10	168.000	2023-2025
411	Van định áp đường dầu chính 9M-0853	Cái	10	1.126.000	11.260.000	8	900.800	2023-2025
412	Khớp nối bơm chuyển nhiên liệu 117-1620	Cái	2	3.286.000	6.572.000	10	657.200	2023-2025
413	Ống dầu nhiên liệu 125-6795	Cái	1	1.335.000	1.335.000	8	106.800	2023-2025
414	Ống dầu nhiên liệu 125-6796	Cái	1	1.298.000	1.298.000	8	103.840	2023-2025
415	Ống dầu nhiên liệu 125-6798	Cái	1	1.144.000	1.144.000	8	91.520	2023-2025
416	Trục bơm nước 135-4928	Cái	1	4.483.000	4.483.000	8	358.640	2023-2025
417	Bi bơm nước 108-7930	Cái	1	4.153.000	4.153.000	8	332.240	2023-2025
418	Ống nước hồi từ block về sinh hàn 141-4094	Cái	3	2.308.000	6.924.000	8	553.920	2023-2025
419	Ê cu cổ xả 2N-2766	Cái	64	262.000	16.768.000	10	1.676.800	2023-2025
420	Long đen 5M-2894	Cái	64	16.000	1.024.000	10	102.400	2023-2025
421	Bu lông tăng áp 2N-2765	Cái	24	462.000	11.088.000	10	1.108.800	2023-2025
422	Vòng bi bu ly quạt gió 333-2408	Cái	5	3.648.000	18.240.000	8	1.459.200	2023-2025
423	Bạc cao su tăng đai 2M-2742	Cái	5	524.000	2.620.000	10	262.000	2023-2025
424	Lò xo tăng đai 462-0437	Cái	3	3.663.000	10.989.000	10	1.098.900	2023-2025
425	Keo khóa ren 263 44068	Tuýp	10	722.000	7.220.000	10	722.000	2023-2025
426	Keo bôi bề mặt 80017	Tuýp	5	530.000	2.650.000	10	265.000	2023-2025
427	Phanh hãm trục chính 8H-3981	Cái	6	78.000	468.000	10	46.800	2023-2025
428	Đĩa ma sát rọ số 1 3S-7981	Cái	8	2.409.000	19.272.000	8	1.541.760	2023-2025
429	Phanh vành răng ăn khớp 8S-9182	Cái	3	236.000	708.000	10	70.800	2023-2025
430	Pit tong rọ số 5 7S-4543	Cái	1	30.461.000	30.461.000	8	2.436.880	2023-2025
431	Chốt dẫn hướng 9M-1990	Cái	10	1.500.000	15.000.000	10	1.500.000	2023-2025

432	Lò xo 4M-5016	Cái	20	388.000	7.760.000	10	776.000	2023-2025
433	Bu lông 2B-0947	Cái	10	75.000	750.000	10	75.000	2023-2025
434	Khớp nối giữ mặt bích các đăng 6Y-9220	Cái	2	4.803.000	9.606.000	10	960.600	2023-2025
435	Chốt trục 2K-3455	Cái	5	74.000	370.000	10	37.000	2023-2025
436	Long đen 4D-3704	Cái	5	52.000	260.000	10	26.000	2023-2025
437	Sim căn bi 3P-8147	Cái	1	11.171.000	11.171.000	10	1.117.100	2023-2025
438	Gioăng 8H-7521	Cái	5	204.000	1.020.000	8	81.600	2023-2025
439	Van điều khiển 9W-6964	Cái	4	998.000	3.992.000	8	319.360	2023-2025
440	Van điều khiển số 6T-3115	Cái	1	10.060.000	10.060.000	8	804.800	2023-2025
441	Chốt dẫn hướng 421-3135	Cái	5	95.000	475.000	10	47.500	2023-2025
442	Gioăng 3J-1907	Cái	5	47.000	235.000	8	18.800	2023-2025
443	Bạc puly tăng chỉnh dây cu roa quạt gió động cơ 4S-5367	Cái	1	2.414.000	2.414.000	10	241.400	2023-2025
444	Phốt chắn dầu bơm nước 153-1256	Cái	1	579.000	579.000	8	46.320	2023-2025
445	Cao su giảm chấn thanh cân bằng 6Y-7796	Cái	1	13.037.000	13.037.000	8	1.042.960	2023-2025
446	Cao su giảm chấn thanh cân bằng 6Y-7795	Cái	1	12.371.000	12.371.000	8	989.680	2023-2025
447	Phốt chắn mỡ trục giữa trục cân bằng 7G-8666	Cái	1	8.018.000	8.018.000	8	641.440	2023-2025
448	Phốt chắn mỡ trục giữa trục cân bằng 7G-8664	Cái	1	8.125.000	8.125.000	8	650.000	2023-2025
449	Bạc trục giữa thanh cân bằng 130-3139	Cái	2	3.892.000	7.784.000	10	778.400	2023-2025
450	Bi chao đầu thanh cân bằng 7J-3216	Quả	2	9.295.000	18.590.000	10	1.859.000	2023-2025
451	Phốt chắn mỡ bi chao trục giữa trục cân bằng 9X-7505	Cái	4	7.806.000	31.224.000	8	2.497.920	2023-2025
452	Phanh hãm bi chao trục cân bằng 5L-4751	Cái	4	914.000	3.656.000	10	365.600	2023-2025
453	Trục thanh cân bằng 7T-6427	Cái	2	12.820.000	25.640.000	10	2.564.000	2023-2025
454	Trục trung tâm thanh cân bằng 208-5026	Cái	1	17.489.000	17.489.000	10	1.748.900	2023-2025
455	Bu ly dẫn hướng dây cu roa (tron) 197-9641	Cái	1	3.438.000	3.438.000	8	275.040	2023-2025
456	Bu ly tăng chỉnh dây cu roa 190-0643	Cụm	1	11.852.000	11.852.000	10	1.185.200	2023-2025
457	Bi trục trung gian 7P-4190	Vòng	2	491.000	982.000	8	78.560	2023-2025
458	Ca bi 4W-1203	Cái	6	915.000	5.490.000	8	292.800	2023-2025
459	Bi 4W-1204	Vòng	6	1.041.000	6.246.000	8	333.120	2023-2025
460	Phốt 6V-9748	Cái	3	374.000	1.122.000	8	59.840	2023-2025

461	Bơm nước 350-2536	Cái	1	31.171.000	31.171.000	8	2.640.160	2023-2025
462	Dây điện kim phun 215-3249 546-2154	Bộ	1	5.809.000	5.809.000	10	580.900	2023-2025
463	Bu ly dẫn hướng dây cu roa (có rãnh) 197-9642	Cái	1	6.571.000	6.571.000	8	525.680	2023-2025
464	Bu ly dẫn hướng dây cu roa (có rãnh) 227-8313	Cái	1	8.027.000	8.027.000	8	642.160	2023-2025
465	Phốt 5S-2106	Cái	1	448.000	448.000	8	35.840	2023-2025
466	Phốt chặn dầu giảm tốc cạnh 7X-4777	Cái	1	1.837.000	1.837.000	8	146.960	2023-2025
467	Phốt piston tăng xích 6V-8142 167-2323	Cái	1	1.425.000	1.425.000	8	114.000	2023-2025
468	Kim phun động cơ 387-9434	Cái	6	39.189.000	235.134.000	8	6.270.240	2023-2025
469	Máy phát 561-3001	Cái	1	69.730.000	69.730.000	8	5.730.720	2023-2025
470	Cảm biến nhiệt độ nước làm mát 256-6453	Cái	2	2.100.000	4.200.000	10	420.000	2023-2025
471	Vành răng giảm tốc cạnh(răng ngoài) 6T-1746	Cái	1	75.689.000	75.689.000	8	6.205.520	2023-2025
472	Bánh răng giảm tốc cạnh Z18 7G-5783	Cái	3	15.490.000	46.470.000	10	4.647.000	2023-2025
473	Bánh răng giảm tốc cạnh Z21 7G-5784	Cái	3	37.262.000	111.786.000	10	11.349.000	2023-2025
474	Phanh van định áp van số 1H- 4142	Cái	6	18.000	108.000	8	8.640	2023-2025
475	Vành răng giảm tốc cạnh Z63(răng trong) 7G-5833	Cái	1	133.379.000	133.379.000	10	13.820.300	2023-2025
476	Xéc măng dầu 265-1113	Cái	6	1.611.000	9.666.000	8	773.280	2023-2025
477	Xéc măng hơi 197-9257	Cái	6	1.611.000	9.666.000	8	773.280	2023-2025
478	Xéc măng lửa 238-2717	Cái	6	1.611.000	9.666.000	8	773.280	2023-2025
479	Xy lanh 469-5315	Quả	6	7.715.000	46.290.000	8	3.703.200	2023-2025
480	Piston 322-0329	Quả	6	13.353.000	80.118.000	8	6.409.440	2023-2025
481	Ắc piston 197-9327	Cái	6	2.846.000	17.076.000	8	1.366.080	2023-2025
482	CE hút 592-9280	Cái	12	1.619.000	19.428.000	8	1.554.240	2023-2025
483	CE xả 550-2998	Cái	12	1.559.000	18.708.000	8	1.496.640	2023-2025
484	Xu páp hút 252-7802	Cái	12	3.869.000	46.428.000	8	3.714.240	2023-2025
485	Xu páp xả 248-1467	Cái	12	2.524.000	30.288.000	8	2.423.040	2023-2025
486	Dẫn hướng xu páp 564-8809	Cái	24	597.000	14.328.000	8	1.146.240	2023-2025
487	Bơm dầu động cơ 233-5220	Cái	1	62.576.000	62.576.000	8	5.006.080	2023-2025
488	Kim phun tái chế 10R-3262	Cái	6	37.575.000	225.450.000	8	18.036.000	2023-2025
489	Đệm lò xo xu páp 7E-7977	Cái	24	607.000	14.568.000	8	1.165.440	2023-2025
490	Gioăng xi lanh 437-1409	Cái	6	549.000	3.294.000	8	263.520	2023-2025
491	Gioăng phốt mặt trước 572- 2758	Bộ	1	19.115.000	19.115.000	8	1.529.200	2023-2025

492	Gioăng phốt giữa 476-6329	Bộ	1	17.666.000	17.666.000	8	1.413.280	2023-2025
493	Gioăng phốt kết mát dầu 476-2891	Bộ	1	12.956.000	12.956.000	8	1.036.480	2023-2025
494	Gioăng phốt mặt sau 466-8501	Bộ	1	7.314.000	7.314.000	8	585.120	2023-2025
495	Gioăng phốt mặt máy 466-9956	Bộ	1	43.695.000	43.695.000	8	3.495.600	2023-2025
496	Gioăng bích lai 6V-3349	Cái	2	1.432.000	2.864.000	8	229.120	2023-2025
497	Ổng cao su 241-6388	Cái	1	1.178.000	1.178.000	8	94.240	2023-2025
498	Ổng cao su (16cm/ổng) 136-1955	Cái	1	9.000	9.000	8	720	2023-2025
499	Ổng cao su 2 131-6645	Cái	2	402.000	804.000	8	64.320	2023-2025
500	Ổng cao su 7E-8630	Cái	2	2.827.000	5.654.000	8	452.320	2023-2025
501	Ổng cao su 192-7704	Cái	1	7.077.000	7.077.000	8	566.160	2023-2025
502	Ổng cao su 2P-7846	Cái	1	296.000	296.000	8	23.680	2023-2025
503	Van hằng nhiệt 247-7133	Cái	1	2.488.000	2.488.000	8	199.040	2023-2025
504	Bơm nước 352-0205	Cái	1	49.476.000	49.476.000	8	3.958.080	2023-2025
505	Gioăng ống gió 8C-3089	Cái	2	634.000	1.268.000	8	101.440	2023-2025
506	Tu bơm tăng áp tái chế 10R-7297	Cái	1	132.088.000	132.088.000	8	10.567.040	2023-2025
507	Bơm dầu Diezel 384-8612	Cụm	1	14.063.000	14.063.000	8	1.125.040	2023-2025
508	Gioăng phốt kim phun 248-1394	Bộ	1	947.000	947.000	8	75.760	2023-2025
509	Gioăng phốt bơm nước 326-8631	Bộ	1	1.949.000	1.949.000	8	155.920	2023-2025
510	Gioăng ống lót kim phun 166-2904	Cái	12	545.000	6.540.000	8	523.200	2023-2025
511	Gioăng ống lót kim phun 9X-7430	Cái	6	204.000	1.224.000	8	97.920	2023-2025
512	Gioăng tròn 117-8801	Cái	1	939.000	939.000	8	75.120	2023-2025
513	Vòng bi 5P-6727	Cái	1	2.856.000	2.856.000	8	228.480	2023-2025
514	Đệm tăng áp 274-6851	Cái	1	1.035.000	1.035.000	8	82.800	2023-2025
515	Đệm cổ xả 283-2238 595-1862 283-2238	Cái	6	1.360.000	8.160.000	8	652.800	2023-2025
516	Đệm nắp máy 229-5711	Cái	1	5.686.000	5.686.000	8	454.880	2023-2025
517	Đệm bu lông nắp máy 212-7728	Cái	10	341.000	3.410.000	8	272.800	2023-2025
518	Gioăng phốt cụm van dầu động cơ 238-5084	Bộ	1	345.000	345.000	8	27.600	2023-2025
519	Piston van 224-3405	Cái	1	4.947.000	4.947.000	8	395.760	2023-2025
520	Cổ van 392-9208	Cái	2	1.126.000	2.252.000	8	180.160	2023-2025
521	Bạc cam 187-8969	Cái	7	1.955.000	13.685.000	10	1.368.500	2023-2025
522	Bạc biên cos 0 292-0484	Cặp	6	1.663.000	9.978.000	10	997.800	2023-2025

523	Bạc balie cos 0 211-0587	Cặp	4	2.730.000	10.920.000	10	1.092.000	2023-2025
524	Bạc balie cos 0 211-0588	Cặp	3	2.730.000	8.190.000	10	819.000	2023-2025
525	Căn dọc trục 246-3144	Cái	2	1.837.000	3.674.000	10	367.400	2023-2025
526	Phanh hãm piston 197-9326	Cái	12	183.000	2.196.000	10	219.600	2023-2025
527	Ống lót kim phun 263-4920	Cái	6	1.080.000	6.480.000	10	648.000	2023-2025
528	Gioăng bích lai 6V-3822	Cái	2	26.000	52.000	10	5.200	2023-2025
529	Ê cu bắt bu lông cổ xà 3E-8017	Cái	12	239.000	2.868.000	10	286.800	2023-2025
530	Bu lông bắt tăng áp 9X-8281	Cái	4	693.000	2.772.000	10	277.200	2023-2025
531	Lò xo piston van 7C-3954	Cái	1	1.393.000	1.393.000	10	139.300	2023-2025
<b>Tổng tiền hàng trước thuế</b>					<b>8.847.832.050</b>			
<b>Tổng tiền thuế VAT</b>					<b>727.726.804</b>			
<b>Tổng cộng tiền hàng sau thuế</b>					<b>9.575.558.854</b>			